ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
ĐẢNG ỦY XÃ THANH MIỆN
*
Số 73 - QĐ/ĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thanh Miện, ngày 22 tháng 10 năm 2025

QUY ĐỊNH
về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam; Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) về thi hành Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy định số 298-QĐ/TW, ngày 09/6/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu;

- Căn cứ Quy định số 145-QĐ/TU, ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thanh Miện khoá I, nhiệm kỳ 2025-2030;

- Xét đề nghị của Ban Xây dựng Đảng,

Ban Thường vụ Đảng ủy quy định (tạm thời) về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, thẩm quyền trong quản lý cán bộ và nguyên tắc, trách nhiệm, thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử; tái cử; từ chức, miễn nhiệm; đình chỉ, tạm đình chỉ; chỉ định, điều động và biệt phái cán bộ.

2. Văn bản này áp dụng đối với các cấp ủy, cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của xã.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Tiếp tục cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của Thành ủy và Đảng ủy bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2. Bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất, tổng thể, liên thông trong công tác cán bộ của hệ thống chính trị; đánh giá cán bộ khách quan, công tâm; lựa chọn và bố trí đúng cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý cán bộ

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ.

1.1. Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy quyết định chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thông qua các cấp ủy, đảng viên trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã, đơn vị sự nghiệp công lập của xã.

1.2. Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy lãnh đạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị; trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ngành, các cấp trên địa bàn xã.

1.3. Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy phân công, phân cấp công tác quản lý cán bộ, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử cho các cấp ủy; đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các ngành, các cấp trên địa bàn xã.

2. Bảo đảm thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, đồng thời phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân, trước hết là người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2.1. Những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức; đình chỉ, tạm đình chỉ chức vụ, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật cán bộ phải do cấp ủy và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến của người đứng đầu và ý kiến của tập thể cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị khác nhau thì phải báo cáo lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.2. Người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện quyết định của tập thể về cán bộ và công tác cán bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

2.3. Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghị quyết, quyết định của cấp ủy; cấp ủy cấp dưới phải chấp hành quyết định của cấp ủy cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ.

Chương II
PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ

Điều 4. Nội dung quản lý cán bộ

1. Phân cấp quản lý cán bộ.

2. Đánh giá cán bộ.

3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

4. Tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, thôi tham gia cấp ủy; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức đối với cán bộ.

5. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

6. Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ; đi công tác, học tập, đi việc riêng ở trong nước và nước ngoài đối với cán bộ.

7. Kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý và quyết định đối với cán bộ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã thực hiện định hướng và quyết định những chủ trương, vấn đề lớn về công tác cán bộ và cán bộ theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ xã.

2. Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý, trực tiếp quyết định một số nội dung trong công tác cán bộ; đồng thời phân công, phân cấp cho các cấp ủy, quyết định một số nội dung đối với các chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý và các chức danh cán bộ khác; ủy quyền cho Thường trực Đảng ủy quyết định một số khâu, nội dung trong công tác cán bộ.

3. Cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng cán bộ đang công tác, sinh hoạt trong tổ chức mình (kể cả các đồng chí ủy viên ban thường vụ cấp ủy) theo các nội dung quy định tại Điều 4 trong phạm vi được phân cấp và phải chịu trách nhiệm trước cấp ủy, cấp trên về cán bộ thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình.

4. Trường hợp một người đồng thời được giao đảm nhiệm nhiều chức vụ thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp khác nhau thì cấp quản lý chức vụ cao nhất xem xét, quyết định.

5. Cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám sát, lấy phiếu tín nhiệm theo quy định; xem xét, quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ chính sách theo quy định, cho từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ được phân cấp quản lý hoặc trong phạm vi được phân công phụ trách.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Đảng bộ xã

1. Lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ trong Đảng bộ bảo đảm đúng nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Trung ương, Ban Thường vụ Thành ủy và Quy chế làm việc của Đảng ủy về phân cấp quản lý cán bộ.

2. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, Thành ủy về công tác cán bộ và cán bộ tại địa phương.

3. Trình Ban Thường vụ Thành ủy nhân sự tại chỗ giới thiệu ứng cử các chức danh Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; xem xét, giới thiệu nhân sự đề nghị bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã.

4. Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương và Ban Thường vụ Thành ủy, thảo luận, quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; điều chỉnh cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy ngoài cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy được xác định theo quy định của Trung ương và Ban Thường vụ Thành ủy. Bầu Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; bầu Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.

5. Xem xét, giới thiệu và đề nghị chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.

6. Giới thiệu nhân sự ứng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã để Hội đồng nhân dân xã bầu; tham gia ý kiến về nhân sự Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trước khi Ban Thường vụ Đảng ủy quyết định giới thiệu để Hội đồng nhân dân xã bầu.

7. Ủy quyền cho Ban Thường vụ Đảng ủy quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ tại địa phương.

8. Thực hiện tự phê bình và phê bình, chất vấn và tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thường vụ Đảng ủy

1. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy.

2. Quyết định phân cấp quản lý cán bộ đối với cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý biên chế, cán bộ của các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn xã theo quy định, hướng dẫn của Trung ương và Thành ủy.

4. Trên cơ sở đề nghị của đồng chí Bí thư Đảng ủy và Thường trực Đảng ủy thảo luận và quyết định:

4.1. Lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và thống nhất quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Quyết định tuyển chọn, nhận xét, đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công công tác; đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, cho thôi giữ chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ được phân cấp quản lý.

4.2. Trình Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh: Bí thư, Phó bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quyết định, thẩm tra, xác minh, kết luận và bố trí cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý có vấn đề chính trị cần xem xét và một số vấn đề khác (tuổi, bằng cấp, học hàm, học vị, tài sản, thu nhập…) theo quy định.

6. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ theo quy định của Trung ương; quyết định thẩm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý công tác tại địa phương (ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) theo phân cấp quản lý cán bộ.

7. Chuẩn bị nhân sự để Đảng ủy xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy chỉ định, giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Báo cáo, xin ý kiến Thường trực Thành ủy về dự kiến nhân sự kiện toàn Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

8. Cho ý kiến phê duyệt phương án nhân sự và chỉ đạo việc tổ chức đại hội các cấp ủy trực thuộc.

9. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ của các cấp ủy trực thuộc Đảng ủy.

10. Chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy, ủy ban kiểm tra và các chức danh lãnh đạo của cấp ủy trực thuộc. Chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, chi bộ trực thuộc.

11. Cho ý kiến về nhân sự của xã giới thiệu ứng cử để bầu đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố; số lượng, cơ cấu nhân sự giới thiệu ứng cử để bầu đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

12. Tham gia ý kiến với cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan thành phố về quy hoạch, nhận xét đánh giá, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo của tổ chức theo ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại Đảng ủy.

13. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định. Gợi ý kiểm điểm và chỉ đạo việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị theo phân cấp quản lý cán bộ.

14. Chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý theo quy định.

15. Đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy về quy hoạch, bố trí, phân công công tác, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ công tác tại cấp xã thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy.

16. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với cán bộ (ngoài diện

Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) giữ ngạch cán sự, chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương đang công tác tại đơn vị; thực hiện chính sách tiền lương theo quy định của pháp luật đến ngạch chuyên viên đối với cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của địa phương (nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn) theo qui định; đề nghị bổ nhiệm ngạch và xếp lương cho công chức được tuyển dụng.

17. Căn cứ vào biên chế đã được phân bổ được quyền tiếp nhận, điều động đối với cán bộ, công chức các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi địa phương trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn chức danh, chức vụ, yêu cầu vị trí việc làm theo quy định. Trường hợp tiếp nhận viên chức vào làm công chức hoặc tiếp nhận công chức từ nơi khác phải báo cáo xin ý kiến cấp trên.

18. Chỉ đạo công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Điều 8. Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét quyết định hoặc ủy quyền cho Thường trực Đảng ủy

1. Chỉ định bổ sung cấp ủy viên đối với các tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy.

2. Cho ý kiến để giao quyền cấp trưởng hoặc phụ trách các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp có cán bộ lãnh đạo diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý và bí thư chi, đảng bộ trực thuộc, trưởng thôn.

3. Quyết định chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy, ủy ban kiểm tra và các chức danh lãnh đạo cấp ủy của các tổ chức đảng trực thuộc.

4. Cho ý kiến về công tác tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển); xem xét bố trí vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức xã; cho ý kiến về việc tiếp nhận, thuyên chuyển cán bộ, công chức, viên chức (bao gồm cả viên chức khối trường) đi, đến trên địa bàn xã.

5. Tham gia ý kiến về đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ là cấp trưởng, cấp phó một số các cơ quan thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại Đảng bộ xã theo quy định (trừ Công an, Quân sự xã).

6. Quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định cử đi công tác trong nước hoặc nước ngoài; đi đào tạo, bồi dưỡng, nâng lương đối với cán bộ, công chức, viên chức (có chức vụ) thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Đảng ủy.

7. Định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy những vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ theo ủy quyền của Ban Thường vụ Đảng ủy.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Trung ương, Thành ủy, Đảng ủy về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Tham gia thực hiện quy trình nhân sự các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý công tác trong phạm vi phụ trách:

- Trên cơ sở thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã đề xuất để tập thể Thường trực Hội đồng nhân dân xã thảo luận và đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy về đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công công tác; bổ nhiệm, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý công tác trong bộ máy của Hội đồng nhân dân xã, gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng các ban của Hội đồng nhân dân xã.

- Chỉ đạo bầu cử, phê chuẩn kết quả bầu cử đối với các chức danh trên, sau khi có nghị quyết của Ban Thường vụ Đảng ủy.

3. Đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh Trưởng ban, Phó Trưởng các ban của Hội đồng nhân dân xã.

4. Tổ chức kiện toàn các chức danh trong Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đảm bảo đúng luật và sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy. Kịp thời phát hiện, chỉ đạo, khắc phục, thu hồi hoặc hủy bỏ quyết định sai trái về công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Trung ương, Thành ủy, Đảng ủy về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Tham gia thực hiện quy trình nhân sự các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý công tác ở khối nhà nước:

- Trên cơ sở thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đề xuất tập thể lãnh đạo UBND xã thảo luận và đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy về đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công công tác, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, biệt phái cán bộ; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với ủy viên UBND xã, các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý công tác ở các phòng, ban, ngành và tương đương trực thuộc UBND xã; các thôn; các tổ chức hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ; cấp trưởng, cấp phó các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã.

- Chỉ đạo ra quyết định bổ nhiệm cán bộ về mặt Nhà nước hoặc chỉ đạo bầu cử, phê chuẩn kết quả bầu cử (đối với chức danh bầu) đối với các chức danh trên, sau khi có nghị quyết của Ban Thường vụ Đảng ủy, nghị quyết của HĐND xã. Kịp thời phát hiện, chỉ đạo, khắc phục, thu hồi hoặc hủy bỏ quyết định sai trái về công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Ban Thường vụ các Tổ chức chính trị - xã hội

1. Lãnh đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, quyết định của cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Trên cơ sở thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội xã đề xuất Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Ban Thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội thảo luận và quyết định:

- Đề xuất nhân sự tham gia thành viên, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các đoàn thể đồng thời chỉ đạo thực hiện quy trình nhân sự theo quy định (trừ các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý).

- Đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy đánh giá, bố trí, phân công công tác; giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ của tổ chức mình thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng ủy, chi ủy trực thuộc

1. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng ủy cơ sở

1.1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Trung ương, các nghị quyết, quyết định của Thành ủy, Đảng ủy về công tác cán bộ và cán bộ tại cơ quan, đơn vị.

1.2. Trình Ban Thường vụ Đảng ủy giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ; chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ.

1.3. Trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy quyết định chuẩn y ủy viên ban chấp hành đảng bộ; ủy viên ban thường vụ; bí thư, phó bí thư đảng ủy; chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy.

1.4. Tham gia với lãnh đạo cơ quan xây dựng và lãnh đạo thực hiện chủ trương về kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan.

1.5. Tham gia ý kiến với lãnh đạo cơ quan về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen

thưởng, kỷ luật... đối với cán bộ, công chức thuộc cơ quan theo phân cấp; đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định các vấn đề về tổ chức và cán bộ của cơ quan thuộc thẩm quyền của cấp trên.

1.6. Căn cứ vào quy định của Trung ương, hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, quyết định số lượng ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy.

1.7. Bầu bí thư, phó bí thư đảng ủy; bầu ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy; phân công nhiệm vụ cho ủy viên ban chấp hành đảng bộ.

1.8. Giới thiệu người ứng cử hoặc người được đề nghị chỉ định bổ sung vào ban chấp hành đảng bộ.

1.9. Chuẩn y kết quả bầu cử chi ủy, bí thư, phó bí thư chi bộ trực thuộc; chỉ định bổ sung chi ủy viên, bí thư, phó bí thư chi bộ trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng.

2. Chi ủy Quân sự, Chi ủy Công an xã

2.1. Chịu trách nhiệm trước Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Trung ương, Thành ủy, Đảng ủy, của cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2.2. Trình Ban Thường vụ Đảng ủy giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh phó bí thư, chi ủy viên; nhân sự đề nghị chỉ định bổ sung chi ủy viên, phó bí thư chi bộ.

2.3. Tham gia với lãnh đạo cơ quan xây dựng và lãnh đạo thực hiện chủ trương về kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan.

2.4. Tham gia ý kiến với lãnh đạo cơ quan về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật...đối với cán bộ, công chức thuộc cơ quan theo phân cấp; đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định các vấn đề về tổ chức và cán bộ của cơ quan thuộc thẩm quyền của cấp trên.

2.5. Căn cứ vào quy định của Trung ương, hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, quyết định số lượng chi ủy, phó bí thư chi bộ, bầu chi ủy, phó bí thư và đề nghị cấp ủy cấp trên quyết định chuẩn y kết quả bầu cử theo quy định của Điều lệ Đảng.

3. Chi ủy (chi bộ) trường học, y tế, quỹ tín dụng nhân dân

3.1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Trung ương, các nghị quyết, quyết định của Thành ủy, của Đảng ủy về cán bộ và công tác cán bộ tại cơ quan, đơn vị.

3.2. Trình Ban Thường vụ Đảng ủy giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư, chi ủy viên; nhân sự chỉ định bổ sung chi ủy viên, bí thư, phó bí thư chi bộ.

3.3. Tham gia với lãnh đạo cơ quan xây dựng và lãnh đạo thực hiện chủ trương về kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan.

3.4. Tham gia ý kiến với lãnh đạo cơ quan về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật,... đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan; đề xuất để cấp trên xem xét, quyết định các vấn đề về tổ chức và cán bộ của cơ quan thuộc thẩm quyền của cấp trên.

3.5. Căn cứ vào quy định của Trung ương, hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, quyết định số lượng chi ủy, số lượng phó bí thư chi bộ; bầu cử chi ủy, bí thư, phó bí thư và đề nghị cấp ủy cấp trên quyết định chuẩn y kết quả bầu cử theo quy định của Điều lệ Đảng.

4. Chi ủy chi bộ thôn

4.1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Trung ương, các nghị quyết, quyết định của Thành ủy, Đảng ủy về cán bộ và công tác cán bộ tại thôn.

4.2. Trình Ban Thường vụ Đảng ủy giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư, chi ủy viên; nhân sự chỉ định bổ sung chi ủy viên, bí thư, phó bí thư chi bộ.

4.3. Tham gia với lãnh đạo cấp trên, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng và lãnh đạo thực hiện chủ trương về kiện toàn các chức danh người hoạt động không chuyên trách thôn, cán bộ chi hội, chi đoàn tại thôn.

4.4. Căn cứ vào quy định của Trung ương, hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, quyết định số lượng chi ủy viên, phó bí thư chi bộ, bầu ban chi ủy, bí thư, phó bí thư và đề nghị cấp ủy cấp trên quyết định chuẩn y kết quả bầu cử theo quy định của Điều lệ Đảng.

Điều 13. Trách nhiệm, quyền hạn các cơ quan, tham mưu giúp việc của Đảng ủy

1. Ban Xây dựng Đảng

1.1. Là cơ quan tham mưu cho Đảng ủy xã, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy về công tác tổ chức xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, công tác tổ chức, biên chế, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, Thành ủy, Đảng ủy về cán bộ và công tác cán bộ. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy.

1.2. Tổng hợp, theo dõi đội ngũ cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý; phối hợp với Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội tại địa phương, đảng ủy, chi ủy trực thuộc Đảng ủy tham mưu giúp Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy quản lý, nhận xét, đánh giá, quy hoạch, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, cho thôi giữ chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy và cán bộ thuộc diện quy hoạch để đảm nhiệm các chức danh này.

1.3. Trình Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy các vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ theo phân cấp quản lý; trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy về chủ trương kiện toàn cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý.

Thẩm định đề nghị của các cấp ủy trực thuộc Đảng ủy, lãnh đạo các phòng, ban, ngành và tương đương về nhận xét đánh giá, quy hoạch, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, cho thôi giữ chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, giới thiệu cán bộ ứng cử và thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ; cử cán bộ đi công tác, học tập, đi việc riêng ở nước ngoài; chuẩn bị các văn bản, quyết định để trình Thường trực Đảng ủy ban hành.

1.4. Hướng dẫn thực hiện quy hoạch, kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy định của Trung ương, Thành ủy và Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy.

1.5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp vụ Đảng ủy và các cơ quan có liên quan thẩm định nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy; tuỳ theo chức danh cán bộ, gửi văn bản xin ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan; tổng hợp để trình Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy xem xét, quyết định.

1.6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy theo dõi, kiểm tra, tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm một số chức danh theo phân cấp quản lý cán bộ.

1.7. Hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng và quản lý hồ sơ cán bộ; trực tiếp quản lý hồ sơ cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ.

1.8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện công tác cán bộ và quản lý cán bộ định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy

2.1. Kiến nghị, đề xuất Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy đánh giá, quy hoạch, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, cho thôi giữ chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; khen thưởng; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy trong lĩnh vực công tác liên quan.

2.2. Kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và đề xuất, kiến nghị Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét những vấn đề về công tác cán bộ và cán bộ (nếu có). Phối hợp với Ban Xây dựng Đảng theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của các cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới khi có yêu cầu.

2.3. Phối hợp với Ban Xây dựng Đảng thẩm định nhân sự quy hoạch, bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử đối với các chức danh thuộc thẩm quyền trực tiếp quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy hoặc các chức danh cán bộ Ban Thường vụ Đảng ủy phối hợp quản lý.

2.4. Trên cơ sở đề nghị của cấp ủy trực thuộc Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy báo cáo đề xuất với Ban Thường vụ Đảng ủy cho chủ trương về nhân sự kiện toàn chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc Đảng ủy; đồng thời, cho ý kiến về nhân sự bầu ủy ban kiểm tra, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc Đảng ủy; trình Ban Thường vụ Đảng ủy chuẩn y kết quả bầu cử ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc Đảng ủy.

2.5. Quyết định kỷ luật cán bộ theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Đảng, Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng; thi hành Chương VII, Chương VIII Điều lệ Đảng và Quyết định của Bộ Chính trị ban hành hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

3. Văn phòng Đảng ủy

3.1. Kiến nghị, đề xuất Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy đánh giá, quy hoạch, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, cho thôi giữ chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; khen thưởng; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy trong lĩnh vực công tác liên quan; tham gia kiểm tra, giám sát, kiến nghị Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét những quyết định không đúng quan điểm, đường lối, chính sách, quy định đối với cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của các cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới.

3.2. Tham gia ý kiến về nhân sự bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

Điều 14. Phân cấp quản lý đối với cán bộ đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu

Nội dung quản lý: Cán bộ khi còn đang công tác thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy quản lý khi đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu (trừ trường hợp đã thôi giữ chức vụ hoặc được điều động, bố trí công tác khác không thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy quản lý) phải được Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy và cấp ủy, cơ quan, đơn vị xem xét cho ý kiến về những vấn đề sau:

- Tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; người đứng đầu hội và các tổ chức (không bao gồm trưởng ban vận động thành lập hội, tổ chức); làm thành viên, lãnh đạo, quản lý các tổ chức có yếu tố nước ngoài; làm chủ tịch hội đồng thành viên (hội đồng quản trị), giám đốc (tổng giám đốc) doanh nghiệp cổ phần, Quỹ Tín dụng nhân dân.

- Khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ.

Điều 15. Quy trình, thủ tục nghỉ hưu đối với cán bộ diện Đảng ủy quản lý

1. Ban hành Thông báo nghỉ hưu

Trước 06 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định, cấp ủy, cơ quan, đơn vị được phân cấp phải ban hành thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu để cơ quan, đơn vị liên quan và cán bộ, công chức biết và gặp mặt cán bộ nghỉ hưu để sắp xếp, giải quyết công việc liên quan (nếu có).

1.1. Ban Thường vụ Đảng ủy ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí: Phó Bí thư Đảng ủy (bao gồm cả phó bí thư kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã), Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; cấp trưởng, cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, cơ quan Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã; cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, ngành và tương đương thuộc chính quyền, cấp trưởng, cấp phó các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã; công chức các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

1.2. Ủy ban nhân dân xã ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí công chức các phòng, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân xã.

1.3. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập (Trường mầm non, Tiểu học, THCS) ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí cán bộ, giáo viên (trừ diện thuộc Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý).

2. Ban hành quyết định nghỉ hưu

Trước 3 tháng đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định, cấp ủy, cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức theo phân cấp quản lý ban hành quyết định về việc nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức theo quy định.

2.1. Ban Thường vụ Đảng ủy ban hành quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy,

Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; cấp trưởng, cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã; cán bộ, công chức các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

2.2. Ủy ban nhân dân xã ban hành quyết định nghỉ hưu đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý còn lại công tác ở các khối chính quyền (bao gồm cả Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ là lãnh đạo các cơ quan khối chính quyền); công chức, viên chức các phòng, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã (trường Mầm non, Tiểu học, THCS).

CHƯƠNG III
BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ

Điều 16. Nguyên tắc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên và người đứng đầu.

2. Căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn, phẩm chất, đạo đức, năng lực, sở trường và uy tín của cán bộ; đồng thời, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của xã, cơ quan, đơn vị. Không xem xét bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử khi chưa có kết luận về chính trị.

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

4. Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động đối với cán bộ, đảng viên đang bị xem xét, xử lý kỷ luật.

5. Kể từ khi người đứng đầu có thông báo nghỉ hưu, nghỉ chờ hưu hoặc thông báo chuyển công tác của cấp có thẩm quyền, cấp ủy, địa phương, cơ quan, đơn vị phải báo cáo bằng văn bản và phải được cấp trên trực tiếp đồng ý trước khi thực hiện quy trình công tác cán bộ theo thẩm quyền được phân cấp.

Điều 17. Trách nhiệm và thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự và đánh giá, nhận xét nhân sự được đề xuất.

2. Tập thể lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thảo luận, đánh giá, nhận xét cán bộ, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Cá nhân, tập thể đề xuất; cơ quan thẩm định; tập thể quyết định cán bộ theo thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về đề nghị, thẩm định, quyết định của mình, cụ thể:

3.1. Cá nhân, tập thể đề xuất: Chịu trách nhiệm chính trước cấp có thẩm quyền về đánh giá, nhận xét, kết luận tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác, ưu, khuyết điểm; kê khai tài sản, thu nhập… và ý kiến đề xuất của mình.

3.2. Cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ và các cơ quan liên quan: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, đề xuất nhân sự theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

3.3 Tập thể quyết định cán bộ: Chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 18. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn chức danh theo quy định của Đảng và cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm tiêu chuẩn chính trị theo quy định; không vi phạm quy định về những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm.

2. Cán bộ được giới thiệu từ nguồn nhân sự tại chỗ phải được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm hoặc được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Đối với nhân sự từ nguồn ở bên ngoài phải được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 01 năm; trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (trường hợp Trung ương, Thành ủy có quy định khác thì thực hiện theo quy định của Trung ương, Thành ủy).

4. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh.

5. Độ tuổi: Cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị được đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào vị trí lãnh đạo, quản lý (cao hơn) lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn một nhiệm kỳ.

Tuổi của cán bộ tính theo giấy khai sinh (bản chính hoặc bản sao có chứng thực); nếu không có giấy khai sinh thì tính theo lý lịch đảng viên gốc có xác nhận của cấp ủy có thẩm quyền.

6. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao (theo kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền).

7. Cán bộ bị kỷ luật thì không phân công, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức vụ cao hơn chức vụ khi bị kỷ luật trong khoảng thời gian như sau (tính từ ngày ký quyết định kỷ luật):

- 12 tháng đối với hình thức kỷ luật Khiển trách.
- 30 tháng đối với hình thức kỷ luật Cảnh cáo.
- 60 tháng đối với hình thức kỷ luật Cách chức.

Điều 19. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ là 5 năm (60 tháng) đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

2. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ dưới 5 năm áp dụng đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng (nếu có).

3. Thời hạn giữ chức vụ bầu cử căn cứ vào nhiệm kỳ đại hội của tổ chức đó.

Điều 20. Thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý

Căn cứ vào số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Đảng ủy (sau đây gọi chung là tập thể lãnh đạo) thực hiện các công việc sau:

1. Ban hành văn bản trình cấp có thẩm quyền xem xét, cho chủ trương về số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung, trong đó dự kiến phân công lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể; phải trình xin chủ trương của Ban Thường vụ Đảng ủy trước khi làm quy trình nhân sự.

2. Sau khi có chủ trương, chậm nhất trong thời gian 30 ngày làm việc, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phải hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự theo quy định. Trường hợp sau thời gian quy định, chưa hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự thì tập thể lãnh đạo có trách nhiệm giải trình rõ lý do, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét (qua Ban Xây dựng Đảng).

3. Đề xuất nhân sự cụ thể

4. Thẩm định nhân sự

4.1. Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị làm tờ trình, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử gửi Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét (qua Ban Xây dựng Đảng) để thẩm định nhân sự.

4.2. Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo quy định (Phụ lục 3), Ban Xây dựng Đảng gửi văn bản (kèm theo bản sao hồ sơ nhân sự) xin ý kiến thẩm định của các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định đối với nhân sự.

4.3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, các cơ quan chức năng xem xét, thẩm định nhân sự phải có văn bản trả lời Ban Xây dựng Đảng. Quá thời hạn trên, nếu không có văn bản trả lời thì được coi là đồng ý với đề nghị bổ nhiệm. Trường hợp vì lý do khách quan, cần thêm thời gian để xem xét, xác minh, thẩm tra thì phải có văn bản gửi Ban Xây dựng Đảng để biết, theo dõi nhưng không quá 10 ngày làm việc.

4.4. Không quá 10 ngày làm việc, Ban Xây dựng Đảng thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ nhân sự, tổng hợp đầy đủ các ý kiến về nhân sự và làm tờ trình báo cáo Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy; báo cáo rõ về đề nghị bổ nhiệm, ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan và đề xuất của Ban Xây dựng Đảng.

4.5. Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định về nhân sự theo chương trình công tác; thời gian không quá 10 ngày làm việc kể

từ ngày nhận được tờ trình của Ban Xây dựng Đảng. Nếu không tổ chức họp Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy thì có thể xin ý kiến bằng văn bản để đảm bảo tiến độ theo quy trình.

4.6. Không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy kết luận về bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, Ban Xây dựng Đảng phối hợp với Văn phòng Đảng ủy dự thảo quyết định bổ nhiệm để Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy ký ban hành hoặc thông báo kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy đến các cơ quan liên quan để thực hiện việc bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử theo quy định. Trường hợp đặc biệt phải báo cáo Thường trực Đảng ủy xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

Điều 21. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm và giới thiệu ứng cử

1. Đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Quy trình nhân sự gồm 05 bước; thành phần hội nghị ở mỗi bước quy định tại Phụ lục 2 của Quy định này; từng hội nghị chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số đại biểu được triệu tập có mặt.

1.1. Bước 1: Trên cơ sở chủ trương, yêu cầu nhiệm vụ và nguồn cán bộ quy hoạch, người đứng đầu cơ quan, đơn vị chủ trì cùng tập thể lãnh đạo thảo luận, rà soát, thống nhất về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình nhân sự; đồng thời, tiến hành rà soát kết quả đánh giá, nhận xét đối với từng cán bộ trong quy hoạch (gồm cả cán bộ được quy hoạch chức danh tương đương trở lên), thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định để lấy ý kiến giới thiệu ở bước tiếp theo.

1.2. Bước 2: Căn cứ số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện và danh sách nhân sự đã thông qua ở bước 1, người đứng đầu trao đổi định hướng nhân sự bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử phù hợp với yêu cầu của cơ quan, đơn vị để hội nghị thảo luận và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín (kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị này).

Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 01 người cho một chức danh; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người đạt số phiếu 30% trở lên thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, chỉ đạo.

1.3. Bước 3: Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 01 người cho 01 chức danh trong số nhân sự được giới thiệu ở bước 2 hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Người nào đạt số phiếu cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì được lựa chọn. Trường hợp

không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo (kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị). Trường hợp không có người đạt số phiếu 30% thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, chỉ đạo.

Trường hợp nhân sự giới thiệu ở bước này khác với nhân sự được giới thiệu ở bước 2 thì tập thể lãnh đạo họp, thảo luận, phân tích kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt, xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự để giới thiệu ở bước tiếp theo (bằng phiếu kín) theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Người được lựa chọn phải có số phiếu giới thiệu ít nhất 2/3 trở lên của tổng số thành viên tập thể lãnh đạo theo quy định. Trường hợp không có người đạt số phiếu ít nhất 2/3 thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, chỉ đạo.

1.4. Bước 4*:* Tổ chức lấy ý kiến giới thiệu nhân sự theo danh sách đã được giới thiệu ở bước 3 (kết quả kiểm phiếu tính trên số đại biểu có mặt và không công bố tại hội nghị)

- Trình tự lấy ý kiến:

+ Thông báo danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 3; tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, công tác; đánh giá, nhận xét ưu, khuyết điểm, triển vọng phát triển và dự kiến lĩnh vực phân công, công tác.

+ Ghi phiếu giới thiệu nhân sự (có thể ký tên hoặc không ký tên).

1.5. Bước 5: Trên cơ sở ý kiến đánh giá, nhận xét (bằng văn bản) của Đảng ủy, chi ủy (chi bộ đối với nơi không có chi ủy); kết quả lấy phiếu ở các hội nghị; kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có) đối với nhân sự; tập thể lãnh đạo thảo luận và biểu quyết (bằng phiếu kín) để trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

- Nguyên tắc lựa chọn: Người đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% số phiếu so với tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn giới thiệu, bổ nhiệm. Trường hợp 02 người có số phiếu ngang nhau đạt tỉ lệ 50% thì người đứng đầu xem xét, lựa chọn nhân sự để trình, đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định (kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị này).

Cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan và người đứng đầu cơ quan chịu trách nhiệm về đánh giá, nhận xét, đề xuất, lựa chọn, giới thiệu nhân sự bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

Sau khi thực hiện xong bước 5, tập thể lãnh đạo cơ quan làm tờ trình, biên bản và cá nhân được đề nghị bổ nhiệm làm hồ sơ cán bộ nộp qua Ban Xây dựng Đảng để thẩm định và xin ý kiến các cơ quan liên quan trước khi trình Ban Thường vụ Đảng ủy theo quy định.

2. Đối với nhân sự điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác.

Trường hợp nhân sự do cấp có thẩm quyền dự kiến điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự ngoài cơ quan, đơn vị thì tiến hành các công việc sau:

2.1. Bước 1: Trao đổi lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

2.2. Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử (người được giới thiệu phải đạt số phiếu trên 50% so với tổng số người được triệu tập; trường hợp người được giới thiệu có số phiếu đạt tỷ lệ 50% thì do người đứng đầu xem xét, quyết định); lấy đánh giá, nhận xét của cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy đinh. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

2.3. Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trường hợp cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định nhưng cơ quan, đơn vị (nơi cán bộ công tác hoặc nơi tiếp nhận cán bộ) hoặc cán bộ còn có ý kiến khác nhau, chưa thống nhất thì Ban Xây dựng Đảng báo cáo đầy đủ các ý kiến và trình Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

3. Trường hợp cán bộ được phân công, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ thấp hơn hoặc kiêm nhiệm chức vụ thấp hơn chức vụ hiện đang đảm nhiệm, thì tập thể lãnh đạo cấp ủy, cơ quan, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện xem xét, quyết định giới thiệu nhân sự theo thẩm quyền phân cấp quản lý cán bộ, không phải thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự.

4. Trường hợp nhân sự cấp ủy, cơ quan, đơn vị đề xuất điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác thì thực hiện quy trình tương tự như quy đinh điều động cán bộ.

5. Trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức: Nếu bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ tương đương chức vụ đảm nhiệm trước khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì Ban Thường vụ Đảng ủy căn cứ phẩm chất, năng lực, uy tín của cán bộ để thảo luận xem xét, quyết định bổ nhiệm mà không phải thực hiện quy trình nhân sự theo quy định; trường hợp bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn thì phải thực hiện quy trình nhân sự như bổ nhiệm từ nguồn nhân sự ở nơi khác theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 22. Bổ sung các chức danh chi ủy viên, đảng ủy viên, chức danh lãnh đạo cấp ủy, lãnh đạo thôn của các tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy

1. Khi cần bổ sung cấp ủy viên còn thiếu so với số lượng mà đại hội quyết định hoặc trong khung số lượng do Trung ương hoặc Thành ủy quy định, các chi ủy, đảng ủy trực thuộc Đảng ủy làm văn bản xin chủ trương thực hiện quy trình

nhân sự và báo cáo Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng).

Những nhân sự đã được đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành giới thiệu vào danh sách tham gia bầu cử cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy nhưng kết quả đạt không quá 50% số phiếu bầu thì việc xem xét, bổ sung vào cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội hoặc hội nghị cấp ủy ít nhất là 12 tháng.

2. Đối với việc kiện toàn, bổ sung các chức danh bí thư, phó bí thư đảng ủy, ủy viên ban thường vụ đảng ủy thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý thì cấp ủy nơi kiện toàn phải báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xin chủ trương trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

Điều 23. Về hiệp y khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý ở địa phương

1. Các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc (từ Trung ương đến địa phương) thực hiện công tác hiệp y nhân sự với cấp ủy địa phương trước khi bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý của tổ chức đó tại địa phương.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức không tổ chức theo ngành dọc thì không thực hiện công tác hiệp y nhân sự đối với các chức danh (không quản lý trực tiếp) thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy địa phương theo quy định, trừ trường hợp khác có quy định riêng của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Thành ủy.

Chương IV
BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU TÁI CỬ

Điều 24. Nguyên tắc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Khi hết thời hạn giữ chức vụ theo quy định, cấp có thẩm quyền phải xem xét có hay không bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái ứng cử.

1.1. Cán bộ sau khi được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vì một trong các lý do: Sức khoẻ không đảm bảo, uy tín giảm sút; không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước,… thì các cơ quan tham mưu đề xuất và cấp có thẩm quyền quyết định việc thay thế, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, không chờ hết thời hạn giữ chức vụ, hết nhiệm kỳ công tác.

1.2. Nếu không được cấp có thẩm quyền cho phép hoặc không có lý do khách quan, khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm mà đơn vị, cá nhân chưa hoàn thành thủ tục bổ nhiệm lại thì cán bộ tạm thời ngừng điều hành theo chức vụ đang giữ cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm lại hoặc bố trí công tác khác.

2. Đối với cán bộ đang trong thời hạn thi hành kỷ luật mà không thuộc diện phải xem xét miễn nhiệm, cho từ chức theo Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 03/11/2021 của Bộ Chính trị thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, thảo luận dân chủ, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt về phẩm chất, năng lực, uy tín; nguyên nhân, động cơ vi phạm,

khuyết điểm và tính chất, mức độ ảnh hưởng, tác động, kết quả khắc phục hậu quả (nếu có),... xem xét, cân nhắc việc bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử.

3. Việc bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái ứng cử được tiến hành từng bước, phù hợp quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị -xã hội và yêu cầu của từng ban, ngành; bảo đảm ổn định và hiệu quả thiết thực.

Điều 25. Điều kiện xem xét bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ và đáp ứng tiêu chuẩn của chức danh bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử và yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Cơ quan, đơn vị có yêu cầu.

3. Đủ sức khoẻ để tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

Điều 26. Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cơ quan, đơn vị nào ra quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ thì cơ quan, đơn vị đó thực hiện việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

2. Ban Xây dựng Đảng và các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy kịp thời phát hiện và đề xuất với Ban Thường vụ Đảng ủy các trường hợp cần thay thế, miễn nhiệm và các trường hợp không nên bổ nhiệm lại.

3. Việc bổ nhiệm lại đối với những cán bộ tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định không còn đủ thời gian công tác 05 năm, như sau:

- Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý còn từ 02 năm (24 tháng) công tác trở lên, thì phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại theo quy định.

- Trường hợp còn dưới 02 năm (dưới 24 tháng) công tác thì người đứng đầu và tập thể lãnh đạo thảo luận, xem xét, nếu cán bộ đủ sức khỏe, uy tín, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì thống nhất biểu quyết (bằng phiếu kín), báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kéo dài thời hạn giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định mà không phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại.

4. Cán bộ không được bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thì Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định việc bố trí công tác khác theo nguyên tắc không được bố trí chức vụ tương đương hoặc cao hơn.

Điều 27. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Chậm nhất 90 ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, Ban Xây dựng Đảng được ủy quyền ban hành văn bản gửi cơ quan nơi cán bộ công tác để thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại.

2. Cán bộ làm báo cáo tự nhận xét, đánh giá về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, việc thực hiện chức trách, mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ.

2. Hội nghị cán bộ chủ chốt cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến và bỏ phiếu tín nhiệm (bằng phiếu kín) đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (thành phần Hội nghị nêu tại Phụ lục số 2 kèm theo Quy định này).

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ nhận xét, đánh giá và đề xuất ý kiến có bổ nhiệm lại hay không. Tập thể lãnh đạo và tập thể cấp ủy thảo luận, xem xét, bỏ phiếu kín quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

Nguyên tắc giới thiệu: Cán bộ được trên 50% số người được triệu tập ở các hội nghị đồng ý thì trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại; trường hợp số phiếu đạt tỷ lệ 50% phiếu đồng ý thì do người đứng đầu xem xét, quyết định; trường hợp đạt tỷ lệ dưới 50% phiếu đồng ý thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (theo Phụ lục 3 kèm theo Quy định này) báo cáo Thường trực Đảng ủy (quan Ban Xây dựng Đảng).

Chương V
MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC ĐỐI VỚI CÁN BỘ

Điều 28. Nguyên tắc, thẩm quyền

1. Nguyên tắc:

Kiên quyết, kịp thời xem xét cho miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho từ chức thuộc trường hợp phải miễn nhiệm.

2. Thẩm quyền:

2.1. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo quy định thì có thẩm quyền xem xét cho cán bộ miễn nhiệm, từ chức.

2.2. Đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên thì cấp ủy, tập thể lãnh đạo báo cáo cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ đề xuất việc cho miễn nhiệm, từ chức.

2.3. Cấp ủy, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị cấp trên có quyền yêu cầu cấp dưới xem xét, thực hiện việc miễn nhiệm, từ chối đối với cán bộ khi có đủ căn cứ theo quy định.

Điều 29. Căn cứ xem xét miễn nhiệm

Việc xem xét miễn nhiệm cán bộ được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách nhưng uy tín giảm sút không thể đảm nhiệm chức vụ được giao.

2. Bị kỷ luật khiển trách hai lần trở lên trong cùng một nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn bổ nhiệm.

3. Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

4. Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nới công tác.

6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm

Điều 30. Căn cứ xem xét từ chức

Việc xem xét đối với cán bộ xin từ chức được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Do hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

2. Để cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách xảy ra sai phạm nghiêm trọng.

3. Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

4. Vì lý do chính đáng khác của cá nhân.

Điều 31. Căn cứ xem xét việc miễn nhiệm, từ chức liên quan đến trách nhiệm người đứng đầu

Việc xem xét miễn nhiệm, từ chức liên quan đến trách nhiệm của người đứng đầu khi cấp có thẩm quyền kết luận cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý, phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực; căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Miễn nhiệm đối với người đứng đầu khi để cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng.

2. Người đứng đầu lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, báo che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực thì tuỳ tính chất, mức độ sai phạm để xem xét cho từ chức.

3. Cho từ chức đối với người đứng đầu khi để cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực quan trọng.

Điều 32. Bố trí cán bộ sau khi bị miễn nhiệm, từ chức, bị kỷ luật

Thực hiện theo quy định của Trung ương, Ban Thường vụ Thành ủy và của Ban Thường vụ Đảng ủy.

Chương VI
ĐIỀU ĐỘNG, BIỆT PHÁI CÁN BỘ

Điều 33. Mục đích, yêu cầu

Việc điều động, biệt phái cán bộ phải căn cứ vào yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán

bộ nhằm phát huy, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ; góp phần khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ.

Điều 34. Đối tượng, phạm vi và thẩm quyền quyết định

1. Đối tượng: Cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

2. Phạm vi: Điều động, biệt phái giữa các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội xã.

3. Thẩm quyền:

Thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy.

Khi cần thiết, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định điều động, biệt phái cán bộ từ nơi khác về đảm nhận các chức vụ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý tại cơ quan, đơn vị. Ban Xây dựng Đảng Đảng uỷ phối hợp với người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi đi và nơi đến) và các cơ quan liên quan trong việc tham mưu điều động, biệt phái đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý.

Điều 35. Quy trình điều động, biệt phái cán bộ

1. Điều động cán bộ

1.1. Căn cứ quy hoạch cán bộ, yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định điều động cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

1.2. Quy trình điều động

Ban Thường vụ Đảng ủy chỉ đạo Ban Xây dựng Đảng tham mưu tiến hành các bước sau:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động cán bộ.

- Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động cán bộ (người được giới thiệu phải đạt số phiếu trên 50% so với tổng số người được triệu tập; trường hợp người được giới thiệu có số phiếu đạt tỉ lệ 50% thì do người đứng đầu xem xét, quyết định); lấy đánh giá, nhận xét của cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trường hợp cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định nhưng cơ quan, đơn vị (nơi cán bộ công tác hoặc nơi tiếp nhận cán bộ) hoặc cán bộ còn có ý kiến khác nhau, chưa thống nhất thì Ban Xây dựng Đảng tổng hợp, báo cáo đầy đủ các ý kiến và trình Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định.

2. Biệt phái cán bộ

2.1. Căn cứ vào yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét việc biệt phái cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

2.2. Thời gian biệt phái nhiều nhất là 3 năm; khi hết thời gian biệt phái thì cấp ủy, cơ quan, đơn vị nơi cử cán bộ đi biệt phái phối hợp với cấp ủy, cơ quan, đơn vị đang quản lý, sử dụng cán bộ đánh giá, nhận xét và xem xét, quyết định việc kết thúc hoặc gia hạn thời gian biệt phái đối với cán bộ.

2.3. Quy trình biệt phái

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác và nơi tiếp nhận cán bộ biệt phái.

- Bước 2: Gặp cán bộ để trao đổi về chủ trương biệt phái và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể.

- Bước 3: Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 36. Trách nhiệm thi hành

Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định điều động, biệt phái cán bộ của cấp có thẩm quyền.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Căn cứ Quy định này, Thường trực HĐND xã; UBND xã; Ban Xây dựng Đảng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; các chi bộ, đảng ủy trực thuộc Đảng bộ xã, các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện.

Điều 38. Ban Xây dựng Đảng chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.

Điều 39. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Trường hợp Thành ủy có quy định khác về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử thì thực hiện theo quy định của Thành ủy.

Nơi nhận:
- Ban Thường vụ Thành ủy, (để báo cáo)
- Ban Tổ chức Thành ủy,
- Ban Thường vụ Đảng ủy,
- Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND,
- Ủy viên BCH Đảng bộ xã,
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội xã,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng ủy,
- Các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND xã,
- Lưu VPĐU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY XÃ THANH MIỆN
ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nguyễn Thế Tài

Phụ lục 1

CHỨC DANH CÁN BỘ BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY QUẢN LÝ; CÁN BỘ BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY SONG TRÙNG, PHỐI HỢP QUẢN LÝ VÀ CHO Ý KIẾN

(Kèm theo Quy định số 73 -QĐ/ĐU, ngày 22/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy)

I. Chức danh cán bộ Ban Thường vụ Đảng ủy trực tiếp quản lý, quyết định hoặc cho ý kiến

1. Cấp xã

1.1. Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy.

1.2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

1.3. Cấp trưởng, cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy (Văn phòng Đảng ủy, Ban Xây dựng Đảng, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy); Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm Chính trị; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.

1.4. Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

1.5. Phó Trưởng ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân xã.

1.6. Ủy viên Ủy ban nhân dân xã.

1.7. Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; cấp trưởng, cấp phó các phòng chuyên môn thuộc UBND xã (Phòng Kinh tế, phòng Văn hoá - Xã hội); Phó Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công; Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thông xã.

1.8. Cấp trưởng, cấp phó Công an xã; cấp trưởng, cấp phó Ban Chỉ huy Quân sự xã.

1.9. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường THCS, Tiểu học, Mầm non trong xã.

1.10. Giám đốc Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi; Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân; Giám đốc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp.

1.11. Giám đốc Trung tâm Y tế.

1.12. Hiệu trưởng trường THPT Thanh Miện III, Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX.

2. Đảng bộ, chi bộ trực thuộc

- Bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ đảng ủy; chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy.

- Bí thư, phó bí thư chi bộ.

- Trưởng thôn, phó trưởng thôn; trưởng ban công tác mặt trận thôn.

II. Chức danh cán bộ Ban Thường vụ Đảng ủy ủy quyền cho Thường trực Đảng ủy trực tiếp quyết định hoặc cho ý kiến

- Cấp ủy viên của các chi bộ, đảng bộ trực thuộc Đảng bộ xã;

- Cấp phó và ủy viên ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội xã: Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã.

- Phó Giám đốc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp.

- Cấp trưởng, cấp phó các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

- Phó Giám đốc Trung tâm Y tế.

- Phó Hiệu trưởng trường THPT Thanh Miện III, Phó Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX.

- Phó Giám đốc Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi

Phụ lục 2

THÀNH PHẦN THAM DỰ Ở CÁC BƯỚC QUY TRÌNH BỔ NHIỆM, GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ ĐỐI VỚI CÁN BỘ DIỆN BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN SỰ TẠI CHỖ

(Kèm theo Quy định số 73 -QĐ/ĐU, ngày 22/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy)

---

1. Đối với các chức danh diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý

Thực hiện theo Quy định số 145-QĐ/TU, ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

2. Đối với chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã

2.1. Bước 1: Hội nghị Ban Thường vụ Đảng ủy (lần 1): Đồng chí Bí thư Đảng ủy và tập thể Ban Thường vụ Đảng ủy.

2.2. Bước 2: Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ xã (lần 1): Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã.

2.3. Bước 3: Hội nghị Ban Thường vụ Đảng ủy (lần 2): Đồng chí Bí thư Đảng ủy và tập thể Ban Thường vụ Đảng ủy.

2.4. Bước 4: Hội nghị cán bộ chủ chốt:

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; Trưởng các phòng, ban, ngành, trưởng các tổ chức chính trị - xã hội xã; Bí thư các tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy xã.

2.5. Bước 5: Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ hoặc Ban Thường vụ Đảng ủy (theo thẩm quyền)

(5.1) Hội nghị Ban Ban Chấp hành Đảng bộ (lần 3): Biểu quyết giới thiệu nhân sự đối với các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.

(5.2) Hội nghị Ban Thường vụ Đảng ủy (lần 2): Biểu quyết giới thiệu nhân sự đối với các chức danh: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

3. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy; chức danh lãnh đạo, quản lý của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc UBND xã.

3.1. Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1): Người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

3.2. Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo "mở rộng": Tập thể lãnh đạo, chi ủy viên (nếu có).

3.3. Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2): Người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

3.4. Bước 4: Hội nghị cán bộ cơ quan, đơn vị: Tập thể lãnh đạo, chi ủy viên (nếu có), cán bộ, công chức cơ quan đơn vị (trừ hợp đồng dưới 6 tháng).

3.5. Bước 5. Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 3): Người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

4. Đối với các chức danh Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã

4.1. Bước 1: Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân xã (lần 1): Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

4.2. Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo "mở rộng": Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Trưởng, Phó trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã; chi ủy viên (nếu có).

4.3. Bước 3: Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân xã (lần 2): Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

4.4. Bước 4: Hội nghị cán bộ cơ quan Hội đồng nhân dân xã: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Trưởng, Phó trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã; chi ủy viên (nếu có); cán bộ, công chức cơ quan Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

4.5. Bước 5: Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân xã (lần 3): Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã..

5. Đối với chức danh lãnh đạo quản lý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, và các tổ chức chính trị - xã hội

5.1. Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1):

- Đối với Mặt trận Tổ quốc xã: Ban Thường trực ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã

- Đối với các đoàn thể xã: Ban Thường vụ các đoàn thể.

5.2. Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo "mở rộng":

- Đối với Mặt trận Tổ quốc xã: Ban Thường trực, ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, trưởng Ban công tác Mặt trận thôn.

- Đối với các đoàn thể xã: Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, Chi hội trưởng các chi hội trực thuộc.

5.3. Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

- Đối với Mặt trận Tổ quốc xã: Ban Thường trực ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã.

- Đối với các đoàn thể: Ban Thường vụ các đoàn thể.

5.4. Bước 4: Hội nghị cán bộ chủ chốt cơ quan

- Đối với Mặt trận Tổ quốc xã: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã; Trưởng, phó ban công tác Mặt trận thôn.

- Đối với các đoàn thể: Ban thường vụ, Ban chấp hành, Chi hội trưởng, chi hội phó các chi hội trực thuộc.

5.5. Bước 5: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 3).

- Đối với Mặt trận Tổ quốc xã: Ban Thường trực ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã.

- Đối với các đoàn thể xã: Ban Thường vụ các đoàn thể.

6. Đối với đảng bộ (chi bộ) trực thuộc Đảng ủy

6.1 Bước 1: Hội nghị ban chấp hành (hội nghị chi ủy) lần 1: bí thư cấp ủy và tập thể ban chấp hành đảng bộ (chi ủy chi bộ).

6.2. Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng:

- Đối với đảng bộ: ban chấp hành đảng bộ; trưởng, phó các đoàn thể chính trị - xã hội; bí thư, phó bí thư các chi bộ trực thuộc.

- Đối với chi bộ: chi ủy chi bộ; trưởng, phó các đoàn thể chính trị - xã hội.

6.3. Bước 3: Hội nghị ban chấp hành (hội nghị chi ủy) lần 2: bí thư cấp ủy và tập thể ban chấp hành đảng bộ (chi ủy chi bộ).

6.4. Bước 4: Lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt, đảng viên về nhân sự

+ Đối với đảng bộ: ban chấp hành đảng bộ; bí thư các chi bộ trực thuộc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc.

+ Đối với chi bộ: chi ủy và toàn bộ đảng viên trong chi bộ.

6.5. Bước 5: Hội nghị ban chấp hành (hội nghị chi ủy) lần 3 thảo luận và biểu quyết nhân sự: bí thư cấp ủy và tập thể ban chấp hành đảng bộ (chi ủy chi bộ).

7. Đối với các trường Mầm non, Tiểu học và THCS

7.1. Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1): Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, chi ủy viên (nếu có).

7.2. Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng: Ban Giám hiệu, chi ủy chi bộ, trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, tổ trưởng các tổ chuyên môn.

7.3. Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2): Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, chi ủy viên (nếu có).

7.4. Bước 4: Hội nghị cán bộ, công chức toàn cơ quan (trừ hợp đồng lao động).

7.5. Bước 5: Tập thể lãnh đạo thảo luận và biểu quyết nhân sự: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, chi ủy viên (nếu có).

Phụ lục 3

DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ

(Kèm theo Quy định số 73-QĐ/ĐU, ngày 22/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy)

I. Hồ sơ nhân sự bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử

Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình và Biên bản kiểm phiếu ở các bước.

2. Sơ yếu lý lịch 2C theo quy định hiện hành do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6 và đóng dấu.

3. Đánh giá, nhận xét 3 năm gần nhất của cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có). (3) Uy tín và triển vọng phát triển.

4. Đánh giá, nhận xét của chi bộ nơi công tác.

5. Nhận xét của cấp ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ; phiếu khai bổ sung lý lịch người thân hiện công tác, lao động, học tập, cư trú ở nước ngoài (nếu có).

6. Bản tự nhận xét, đánh giá 3 năm gần nhất của cá nhân.

7. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

8. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định).

9. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị; quyết định tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức... (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

Trường hợp văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải có giấy công nhận hoặc văn bản trả lời của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành.

10. Giấy khám sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.

* Số lượng hồ sơ: 3 bộ hồ sơ đầy đủ.

* **Lưu ý:** Các tài liệu nêu tại Mục 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10 không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét; mục 7 tại thời điểm thực hiện quy trình công tác cán bộ.

II. Hồ sơ miễn nhiệm, từ chức

1. Báo cáo của cấp ủy, cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ về việc đề nghị miễn nhiệm, từ chối đối với cán bộ.

2. Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ.

3. Quyết định, kết, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền; biên bản hội nghị và các tài liệu có liên quan (nếu có).

4. Đơn của cán bộ xin từ chức.

*Số lượng hồ sơ: 3 bộ đầy đủ.